

Số: 12/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Báo chí (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 45 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BÁO CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4.00	3	100%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	3				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 9		3.80	4	80%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3	4.14	7	100%	Tiêu chí 10.1	4	4.00	6	100%
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4	3.60	3	60%	Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	3			
					Tiêu chí 11.5	3			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		45			90%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BÁO CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Báo chí (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2018-2022 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt đối với ngành đào tạo. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cốt lõi về CTĐT và được các cán bộ, giảng viên, người học của CTĐT sử dụng trong quá trình tổ chức giảng dạy và học tập. Đề cương các học phần được đầu tư xây dựng theo mẫu chung, thể hiện được các kế hoạch thực hiện học phần. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, được rà soát cập nhật; kiến thức thực tập, thực tế được tăng cường. Các hoạt động dạy và học khá đa dạng phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và có hướng dẫn thực hiện; kết quả đánh giá được phản hồi khá kịp thời giúp người học cải tiến việc học tập. Đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT được quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng; kết quả thực hiện công việc được giám sát, đánh giá. Đội ngũ giảng viên có trình độ và năng lực chuyên môn cao đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT. Chính sách, quy định tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng thu hút được các học sinh giỏi vào học. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học được triển khai hiệu quả; các hoạt động hỗ trợ người học khá đa dạng, thể hiện rõ bản sắc của ngành học. Môi trường cảnh quan, tâm lý, xã hội được xây dựng; các điều kiện an ninh an toàn được quan tâm; hệ thống công nghệ thông tin được cải tiến để đáp ứng yêu cầu các hoạt động. Hệ thống khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được thiết lập; quá trình dạy - học, kiểm tra đánh giá được rà soát thường xuyên và có những cải tiến nâng cao chất lượng. Việc xác lập các tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được thực hiện theo quy định và có sự hỗ trợ của phần mềm quản lý; cơ sở dữ liệu được cập nhật hằng năm. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao. Các chỉ số về kết quả đầu ra được đối sánh trong nội bộ Trường để giúp nhận diện khá đầy đủ về thực trạng CTĐT và có các giải pháp khắc phục, cải tiến.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Định kỳ lấy ý kiến của đa dạng các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT một cách có hệ thống thể hiện đầy đủ hơn các yêu cầu năng lực theo các nhóm vị trí việc làm. Bổ sung đầy đủ năng lực đáp ứng nghề nghiệp báo chí truyền thông trong bối cảnh công nghệ số, kỹ nguyên số và xây dựng, điều chỉnh các chuẩn đầu ra cho phù

hợp; điều chỉnh diễn đạt chuẩn đầu ra cho chuẩn xác hơn đảm bảo tính khả thi và có thể đo lường được.

2. Rà soát, cấu trúc lại và hoàn thiện Bản mô tả CTĐT hợp lý hơn: bổ sung các nội dung đối sánh, tham chiếu nội bộ và bên ngoài; làm rõ hơn sự nổi trội của CTĐT và bản sắc vùng miền. Rà soát, hoàn thiện đề cương các học phần: xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT làm cơ sở điều chỉnh, cập nhật nội dung; xây dựng các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá cụ thể, phù hợp. Đa dạng các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần để các bên liên quan sử dụng hiệu quả.

3. Tăng tính gắn kết giữa các học phần trong chương trình dạy học, phân luồng các khối kiến thức theo các nhóm việc làm, thiết kế thống nhất từ phân cơ sở ngành đến chuyên ngành và hướng dẫn người học có các lựa chọn phù hợp; rà soát lại ma trận liên kết giữa phương pháp dạy học học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT cho chính xác. Nghiên cứu bổ sung: học phần khởi nghiệp trong lĩnh vực báo chí, các học phần/chuyên đề về kỹ năng ứng dụng công nghệ số vào sản xuất tin, bài trên báo chí và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

4. Thể hiện rõ quan điểm về đích đến, cách tiếp cận, vai trò của người dạy và người học trong các hoạt động dạy - học hướng đến mục tiêu của CTĐT và phù hợp với triết lý giáo dục. Căn cứ trên các thang đo năng lực các chuẩn đầu ra tương ứng để rà soát, lựa chọn các hình thức, hoạt động dạy học phù hợp có lưu ý các phương pháp dạy, học kiến tạo. Chú trọng rèn luyện nghiệp vụ báo chí và phát triển các kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng công nghệ số, ngoại ngữ, xử lý khủng hoảng truyền thông.

5. Rà soát để chuẩn xác mức năng lực chuẩn đầu ra cụ thể cần đo lường và mức độ phù hợp của phương pháp đánh giá hiện tại để có những điều chỉnh phù hợp đối với từng học phần hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Đa dạng các loại hình đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, các năng lực tư duy bậc cao, mức độ rèn luyện các kỹ năng thực hành, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đủ lớn phủ nội dung các học phần. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện bộ công cụ để thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT đối với sinh viên tốt nghiệp một cách hiệu quả.

6. Nghiên cứu điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo khả thi và tính đến các yếu tố đặc thù của CTĐT; cập nhật Đề án vị trí việc làm, chi tiết hóa và xác định các năng lực để đánh giá và phát triển giảng viên theo vị trí. Có hướng dẫn quy đổi, ghi nhận đánh giá kết quả phục vụ cộng đồng của giảng viên; xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công việc của giảng viên phù hợp với vị trí việc làm. Có giải pháp tăng cường nghiên cứu và công bố khoa học; điều chỉnh cơ chế quản lý dữ liệu công bố khoa học của giảng viên và đối sánh để cải tiến chất lượng.

7. Mô tả và xác định mức năng lực cho từng vị trí việc làm để thực hiện đánh giá, lập kế hoạch và thực hiện đào tạo đội ngũ nhân viên, lưu ý đến năng lực và các kỹ năng đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số và công nghệ trong công tác quản lý. Xây dựng và thực hiện đánh giá kết quả thực hiện của nhân viên theo bộ chỉ số KPIs; bổ sung các tiêu chí về hoạt động phục vụ cộng đồng vào quản trị theo kết quả công việc; thực hiện đãi ngộ gắn với kết quả, hiệu quả và ghi nhận công hiến để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

8. Khảo sát nhu cầu nhân lực, phân tích và dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành. Có giải pháp hỗ trợ người học hiệu quả theo hướng cá thể hóa. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ người học, nhất là các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, việc làm để có những cải tiến phù hợp. Có giải pháp tăng cường không gian tự học, không gian sáng tạo cho người học.

9. Bổ sung, cập nhật đầy đủ học liệu đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Tăng cường công tác chuyên đổi số; xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp và cơ sở dữ liệu dùng chung; mở rộng nguồn học liệu và bản quyền truy cập; số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh phục vụ tra cứu trực tuyến; đầu tư và khai thác ưu thế của thư viện điện tử. Tăng hiệu quả sử dụng học liệu và thư viện dùng chung trong Đại học Đà Nẵng; tăng cường kinh phí cho công tác biên soạn giáo trình, bài giảng. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện công tác phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn, an ninh trong toàn trường.

10. Tiếp tục nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra. Tăng cường thu thập đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan, tham khảo các CTĐT tiên tiến, các căn cứ pháp lý quốc gia và các định hướng kỹ năng cần thiết để tiếp tục rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và CTĐT. Cải tiến việc đánh giá quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và khai thác triệt để kết quả đánh giá để cải tiến nhằm đảm bảo quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; đảm bảo các dịch vụ và tiện ích hỗ trợ hiệu quả cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp để có các biện pháp hiệu quả giúp người học hoàn thành thời hạn học tập. Nghiên cứu thiết kế CTĐT linh hoạt hơn với thị trường lao động và khai thác lợi thế của Đại học Đà Nẵng là đại học vùng. Kết nối, hợp tác nhiều hơn nữa với cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức liên quan, nhà sử dụng lao động trong đào tạo và nâng cao khả năng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp. Đảm bảo mức chi theo quy định và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT một cách đầy đủ và đúng thời điểm, trong đó đặc biệt chú trọng sự hài lòng đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp và đối sánh với các cơ sở đào tạo để cải tiến.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Báo chí gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

